

Bản án số:30/2021/ HSST

Ngày: 09/3/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.*

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy - Kiểm sát viên.*

Ngày 09/3/2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐXXST-HS ngày 23/02/2021 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Văn Th;** tên gọi khác: Không; Sinh năm 1978 tại Phú Bình – Thái Nguyên; trú tại: Xóm DB, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Dương Thị G; có vợ là Trần Thị T, vợ chồng có hai con chung, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: - Bản án số 92/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt T 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (ngày 19/01/2016 trộm cắp tài sản trị giá 480.000đồng (trước đó tại bản án số 14/2011 ngày 30/3/2011 Tòa án nhân dân huyện PB xử T 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”).

- Bản án số 38/2016/HSST ngày 15/6/2016 Tòa án nhân dân huyện PB xử phạt T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Ngày 08/01/2016 thực hiện hành vi phạm tội, trị giá tài sản 4.650.000đồng). Tổng hợp hình phạt với bản án số 92/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù.

- Bản án số 147/2018/HSST ngày 21/11/2018 Toà án nhân dân huyện PB xử phạt T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Trị giá tài sản 2.300.000đồng) chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2020, chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 14/2011 ngày 30/3/2011 Toà án nhân dân huyện PB xử Thu 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

**2. Nguyễn Văn G**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1969 tại PY; trú tại: xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị N, vợ chồng có 02 con chung, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1991 (đã chết);

Tiền án: Không;

Tiền sự: - Tại Quyết định số 0046838 ngày 10/11/2020 Công an thị xã PY xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” – Hình thức phạt tiền 1.500.000đồng.

- Tại Quyết định số 0046808 ngày 30/11/2020 Công an thị xã PY xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” – Hình thức phạt tiền 1.500.000đồng.

Nhân thân: Tại bản án số 45/HSST ngày 15/7/1998 Toà án nhân dân huyện (nay là thị xã) PY xử G 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản án số 24 ngày 11/6/2001 Toà án nhân dân huyện (nay là thị xã) PY xử G 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung là 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đương nhiên được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

\* Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

Trú tại: xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt);

\* Người làm chứng:

1. Anh Trần Tuấn T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Trú tại: xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trương Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Trú tại: xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Trương Văn B, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Trú tại: xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T và Nguyễn Văn G đều là đối tượng nghiện chất ma túy. Ngày 09/12/2020 cả hai đối tượng gặp nhau khi đi mua ma túy, sau đó G rủ T về nhà G chơi. Khoảng 03 giờ ngày 10/12/2020 T rủ G đi trộm cắp gà, G đồng ý sau đó dẫn T đi bộ từ nhà G đến nhà chị Nguyễn Thị T, cách nhà G khoảng 500 mét và chỉ cho T thấy vị trí chuồng nuôi gà của nhà chị T. T và G thống nhất G sẽ đứng bên ngoài canh gác, còn T vào trong để trộm gà. Quan sát xung quanh không có người, T đi vào trong khu vực nhà chị T rồi đi vào trong chuồng nuôi gà lấy trộm 01 con gà trống mang ra đưa cho G cầm, sau đó T quay lại tiếp tục lấy thêm được 02 con gà trống đút vào trong chiếc bao tải màu xanh lấy tại chuồng gà nhà chị. Khi T định mang ra ngoài thì có tiếng chó sủa, đúng lúc này chị T phát hiện, hô hoán. T cầm bao tải bỏ chạy ra ngoài và nhảy xuống ruộng. G cầm gà chạy đến rồi cả hai bỏ chạy về phía ruộng phía sau nhà chị T nấp vào bụi rậm. Nghe tiếng người dân hô, soi đèn, do lo sợ bị bắt nên T và G mỗi người bỏ chạy một hướng. G cầm con gà chạy thẳng về nhà cất giấu, còn T chạy được một đoạn thì vứt bao tải đựng gà lại và chui qua bụi cây đi ra đường chính về hướng nhà G. Trên đường về nhà G thì T bị người dân phát hiện, bắt giữ. T khai nhận đã cùng G thực hiện việc trộm cắp gà nhà chị T nên người dân đã đưa T đến nhà G. Tại nhà G, người dân phát hiện 01 con gà trống của chị T đã bị chết và trình báo Công an xã ĐS đến giải quyết. Qua trình đuổi bắt G và T, anh Trương Văn C là người dân xóm T, xã ĐS đã nhặt được chiếc bao tải đựng gà mà T vứt lại khi bỏ chạy. Anh C đã đưa lại cho chị T chiếc bao tải đựng gà. Chị T kiểm tra bên trong bao tải thấy có 02 con gà trống còn sống và xác nhận là gà của chị nên đã thả vào chuồng gà nhà mình. Sau khi nhận được tin báo, Công an xã ĐS đã tiến hành lập biên bản sự việc, chuyển toàn bộ tài liệu, vật chứng cùng 02 đối tượng trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PY để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại biên bản làm việc ngày 10/12/2020 xác định: Quá trình bắt giữ G giao nộp: 01 con gà trống, loại gà ta thịt, màu lông đen, đỏ tía, cân nặng 3,5 kg, đã

chết; 02 con gà mà T đã vút lại khi bỏ chạy gồm: 02 con gà trống đều có màu lông đen-đỏ-tía, loại giống gà ta, một con nặng 2,2 kg và một con 04 kg.

Tại Bản kết luận định giá số 106/KLĐG ngày 11/12/2020 và số 123/KLĐG ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã PY kết luận: 01con gà trống, loại giống gà ta, màu lông đen-đỏ-tía, cân nặng 3,5 kg, hiện trạng gà vẫn còn sống, trị giá là 315.000 đồng (*Ba trăm mười lăm nghìn đồng*); 01 con gà trống, loại giống gà ta, màu lông đen-đỏ- tía, nặng 2,2 kg, hiện trạng gà vẫn còn sống, trị giá là 198.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám nghìn đồng*) và 01con gà trống, loại giống gà ta, màu lông đen-đỏ-tía, nặng 04 kg, hiện trạng gà vẫn còn sống, trị giá là 360.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tổng số tài sản mà các bị cáo trộm cắp có trị giá là 873.0000 đồng (*Tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nêu trên.

Tại phiên toà bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G đã khai nhận: 03 giờ ngày 10/12/2020 trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Thị T ở xóm T, xã ĐS 03 con gà trống màu lông đỏ, đen, tía trong đó có: 01con cân nặng 3,5 kg, khi T đưa cho G con gà vẫn còn sống đến khi bị bắt giữ thì con gà đã bị chết; 01 con nặng 2,2 kg và 01con nặng 04 kg. Ba con gà có trị giá là 873.0000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSPY ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a,b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn T từ 15 đến 18 tháng tù; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn G từ 12 đến 15 tháng tù ; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết; về án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo Thu, Giang xác định việc bị đưa ra truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận gì.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Tại phiên tòa hôm nay bị hại chị Nguyễn Thị T vắng mặt. Tuy nhiên chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy cần áp dụng Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, vật chứng thu giữ trong vụ án, kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Cả hai bị cáo T, G đều là những đối tượng lười lao động và nghiện ma túy. Để có tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy nên khoảng 03 giờ ngày 10/12/2020 tại gia đình chị Nguyễn Thị T ở xóm T, xã ĐS, thị xã PY bị cáo T, G đã lén lút trộm cắp 03 con gà trống có màu lông đỏ, đen, tía đều là loại giống gà ta, nặng 9,7 kg, có trị giá là 873.0000 đồng (*Tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) thì bị phát hiện bắt quả tang, thu hồi toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt trả lại cho người bị hại quản lý, sử dụng. Tuy trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng, nhưng trước đó bị cáo T đã bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích, bị cáo G trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm, nên lần phạm tội này của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 32 ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong*

*các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều...của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”...*

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự, trị an ở địa phương, nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của các bị cáo gây ra để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ có đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể như thế nào, nên xác định không có tổ chức. Bị cáo T là người khởi xướng và trực tiếp, tích cực thực hiện tội phạm, bị cáo G có vai trò đồng phạm với vai trò giúp sức. Như vậy khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc để có hình phạt tương xứng với vai trò và vị trí của từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, song không chịu rèn luyện, lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác và đều là đối tượng nghiện ma túy. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, nên cho các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình thấy: Tuy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, song bị cáo đều là những người có nhân thân xấu. Lẽ ra sau những lần vi phạm đó các bị cáo phải lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa chữa bản thân mới đúng, song các bị cáo lại thể hiện là người coi thường pháp luật, tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và có ích cho xã hội được.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY nêu trên là phù hợp, Tuy nhiên hình phạt đối với bị cáo G có phần hơi nghiêm khắc, xét về nhân thân của bị cáo, vị trí vai trò trong vụ án cần xử bị cáo G dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị T đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án gồm: 01 hộp cát tông niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A, không có giá trị nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/12/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Giang 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/12/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra Quyết định tạm giam mỗi bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, G.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 hộp cát tông niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A.

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 03/02/2021.*

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn G phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã PY;
- Công an thị xã PY;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Chi cục THADS thị xã PY;
- UBND xã NM, ĐS;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- *Lưu HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký tên)**

**Hà Thị Thu Thủy**